

Chính sách cai trị của Anh tại Xingapo và hệ quả của nó

TRỊNH HẢI TUYẾN*

Trong số các nước thực dân đến Đông Nam Á, Anh là nước có mặt muộn nhất nhưng họ lại duy trì được sự hiện diện lâu nhất, thu được nhiều lợi ích nhất và cũng để lại nhiều dấu ấn nhất ở khu vực này.

Sau khi chinh phục Penang, thực dân Anh đã tìm mọi cách để mở rộng lãnh thổ của mình. Vào năm 1795, lợi dụng Hà Lan đang gặp khó khăn cả trong nước cũng như ở các xứ thuộc địa, người Anh đã chiếm thành phố Malacca thuộc tiểu quốc Malacca. Tiếp đến vào năm 1800 họ lại bắt ép vua Kedah ký Hiệp ước cắt đất duyên hải đối ở bờ bên bán đảo Malacca, đổi diện với đảo Penang cho Anh và người Anh trả thêm số tiền hàng tháng cho Kedah. Ngay sau đó người thành lập nên *tỉnh Wellesley* (lấy tên của Toàn quyền Anh tại Ấn Độ lúc đó), bao gồm đảo Penang và toàn bộ vùng đất mới được chuyển nhượng này.

Để củng cố thế lực của mình tại eo biển Malacca, người Anh đến năm 1801 lại bắt ép thủ lĩnh người Minangkabau sống tại *Naning* (một địa danh nằm ở phía Đông

Bắc, giàu có về Thiếc và có nhiều các loại gỗ quý, cách Tp. Malacca khoảng trên 500 km) ký Hiệp ước đầu hàng, cắt vùng lãnh thổ này cho EIC quản lý. Theo đó, cư dân sống tại khu vực này phải tuân thủ theo luật lệ của người Anh và nộp các khoản thuế cho EIC⁽¹⁾.

Ngay từ lúc đầu, người Anh dự tính biến Penang thành trạm trung chuyển thương mại và căn cứ quân sự chính của họ ở Đông Nam Á. Để thực hiện công việc này, chính phủ Anh vào năm 1805 đã phải ngài Stamford Raffles-nguyên là nhân viên kế toán của Công ty Đông Ấn Anh (EIC) đến nhận chức thư ký giúp việc trong chính quyền Penang. Tuy nhiên ngay từ ngày đầu, Raffles thấy rằng, Penang khó có thể trở thành điểm trung chuyển lý tưởng trên con đường thông thương giữa Anh với Trung Quốc. Với lý do đó, Toàn quyền Anh tại Ấn Độ trong khoảng 1816-1818 đã nhiều lần phái Trung úy Rafles đến các nơi dọc theo eo biển Malacca, các đảo Java, Sumatra Maluku để "khám phá" các vùng đất mới. Đầu năm 1819, Rafles từ đảo Penang đến

* Ths. Trịnh Hải Tuyên, Đại học Sư phạm Hà Nội

quần đảo Riau ở phía Nam eo biển Malacca, nhưng địa điểm đó đã bị người Hà Lan chiếm giữ. Ông liền chuyển hướng sang phía Tây Bắc và đến được đảo Xingapo vào ngày 28 tháng 1 năm 1819. Khi đó đảo này còn thuộc lãnh thổ của Johore. Sau một ngày trình sát dưới sự giúp đỡ của một người Hoa, họ đã đổ bộ lên đảo. Ngay khi đặt chân lên đảo Rafles đã cho rằng, Xingapo sẽ đảm bảo một tương lai tươi sáng cho Anh, cái mà "*Hà Lan sẽ không bao giờ lại có thể thiết lập một độc quyền mà họ từng có - một hải cảng tự do buôn bán, bởi Xingapo sẽ phá vỡ thế mạnh đó. Hà Lan không còn có thể đóng cửa eo biển trong trường hợp xảy ra chiến tranh và đe dọa buôn bán với Trung Quốc*", và "*Malta là gì ở Phương Tây thì Xingapo sẽ trở thành như vậy ở phương Đông*"⁽²⁾ Ngày 30 tháng 1 năm 1819, Rafles đã thúc ép Hội vương và các quan cận thần của Johore ký thoả thuận, cho phép người Anh xây dựng cơ sở thương mại của họ tại Xingapo. Để đổi lại Anh sẽ trả cho phải trả cho Hội vương mỗi năm 3000 bảng Anh. Đến ngày 6 tháng 2 năm 1819, Anh lại bắt Johore ký bản hiệp ước mới với nội dung: 1) Công ty Đông Ấn Anh (EIC) có thể xây dựng thương quán tại bất cứ nơi nào ở Xingapo hay trong lãnh thổ của Johore; 2) EIC mỗi năm phải trả cho Hội vương Johore là 3000 bảng Anh và cho Hội quốc Johore là 5000 bảng Anh; 3) EIC có trách nhiệm bảo hộ cho Johore và Johore không được phép cho các nước phương Tây khác xây dựng các cơ sở thương mại vùng đất này; 4) Cảng

khẩu Xingapo do EIC kiểm soát. Số tiền thu được từ thu thuế từ các tàu bè cập bến sẽ được chia đôi, Hội quốc Johore được lĩnh một nửa.

Sau khi ký Hiệp ước 6 tháng 2 năm 1819, Raffles tạm giao quyền cai quản Xingapo cho Farquhar, ông trở về Bencoolen và yêu cầu chính phủ Anh ủng hộ kế hoạch biến hòn đảo này thành một cảnh thương mại tự do. Được sự khuyến khích của chính phủ Anh, Raffles đã trở lại Xingapo vào năm 1822. Ông phân đảo này thành các khu vực chức năng như hành chính, khu buôn bán thương mại, khu dành cho người Anh, người Hoa, người Malai, người Ấn Độ, người Ả rập v.v. Hơn nữa, Raffles còn áp dụng chế độ thuế và sử dụng đất, lập các cơ quy hoạch và hành chính, đóng cửa các sông bạc, đánh thuế cao các mặt hàng như rượu, còn, thuốc phiện v.v., thực hiện chế độ lao động tự do. Năm 1823, Raffles mở trường học đầu tiên tại đảo này, gọi là Trường Xingapo (Singapore Schoole) (sau này đổi thành Trường Raffles).

Do vị trí địa lý thuận lợi và chính sách buôn bán cởi mở, chỉ vài năm sau, thu nhập thương mại của Xingapo đã vượt Penang. Chính vì nhanh sinh lời như vậy, năm 1824, chính quyền Anh đã thúc ép Hà Lan và Hội Quốc Johore ký các Hiệp ước nhằm hợp thức hoá quyền cai trị của Anh tại Malacca và Xingapo. *Hiệp ước Lôn đôn Anh-Hà Lan* (Anglo-Dutch Treaty of London) ký vào tháng 3 năm 1824, trong với nội dung chính là: Hà Lan nhượng lại Malacca cho Anh; Để đổi lại,

Anh công nhận quyền cai trị của Hà Lan tại Indônexia. Còn *Hiệp ước Thân hữu và Đồng minh* (Treaty of Friendship and Alliance) giữa Anh, Johore ký vào tháng 8 năm 1824 với nội dung chính bao gồm: 1) Hôi vương Johore và quan đầu triều Temenggong nhường quyền cai trị vĩnh viễn Xingapo cho EIC; 2) Hôi vương Johore sẽ được nhận tiền bồi thường từ EIC số tiền là 33.200 bảng Anh; Temnenggong cũng nhận được khoản tiền là 26.800 bảng Anh và tiền trợ cấp mỗi tháng là 700 bảng Anh; 3) Khi chưa được sự đồng ý của EIC, Hôi vương Johore và Bá tước Temnenggong không được liên minh với bất kỳ nước nào khác⁽³⁾.

Sau khi hợp pháp hoá quyền cai trị của họ tại Xingapo và Malacca, vào năm 1826, thực dân Anh sát nhập ba đơn vị hành chính là tỉnh Wellesley (bao gồm cả đảo Penang, vùng duyên hải Kedah được chuyển nhượng và vùng đất Naning), thành phố Malacca và đảo Xingapo thành một đơn vị hành chính với tên gọi là *Khu định cư Eo biển* (Straits Settlements) và tạm thời vẫn giữ Penang là trung tâm hành chính của 3 thực thể này. Nhưng đến năm 1830 cụm dân cư này lại chia ra và đến năm 1832 lại sát nhập lại và chọn Xingapo làm trung tâm hành chính mới với một một Thống đốc điều hành do Toàn quyền Anh tại Ấn Độ bổ nhiệm. Từ 1867 cho đến tận khi thực dân Anh trao trả quyền Chính phủ tự trị cho Xingapo (1959), Cụm dân cư eo biển này nằm dưới sự điều hành trực tiếp của Bộ thuộc địa, đứng đầu là một viên Toàn quyền.

Khác với thực dân Hà Lan ở Indonesia, thực dân Anh thi hành chính sách thương mại tự do tại Xingapo. Thương mại tự do (hay thường gọi là mô hình kinh tế Laiseer faire) ở đây không chỉ bao hàm về tự do buôn bán mà còn được mở rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Mỗi cá thể, thành viên của xã hội Xingapo được tự do lựa chọn, theo đuổi sở thích kinh doanh của mình. Chính phủ thuộc địa không can thiệp vào công việc kinh doanh cụ thể của mỗi người, không thu thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập hoặc các khoản thu khác đối với các nhà doanh nghiệp. Chính phủ chỉ đảm nhận chức năng bảo vệ lãnh thổ, can thiệp vào thị trường nhà đất, hướng dẫn quy hoạch đô thị và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Chính sách thương mại tự do và hệ thống pháp luật của nước Anh là một trong những nhân tố cơ bản thu hút vốn và nhân công của ngoại quốc đến Xingapo làm ăn và là nền tảng chính trị cho sự ra đời những thể chế kinh tế tư bản chủ nghĩa tại hòn đảo này. Cũng chính nhờ đó "Khu định cư Eo biển" nói chung, Xingapo nói riêng nhanh chóng trở thành một trong những thuộc địa phát triển nhất của Anh ở Đông Nam Á cũng như trên toàn thế giới.

2. Hệ quả của chính sách cai trị của Anh

Một trong những hệ quả chính yếu nhất của chính sách thuộc địa của Anh tại Xingapo là hình thành nên các thể chế kinh doanh tư bản chủ nghĩa tại đảo quốc này. EIC không chỉ là chủ thể đầu tiên thiết lập nên các cơ sở kinh doanh, mà còn

là người mở đường, khai thông cho các doanh nghiệp ngoại quốc đi vào Xingapo hoạt động. Công ty thương mại Alexander Guthrie thuộc EIC được thành lập tại Xingapo vào năm 1820. Đến năm 1827, tại Xingapo đã có tới 14 hãng buôn được thành lập. Sang đầu những năm 30 của thế kỷ XIX xuất hiện hàng loạt hãng buôn nhỏ của người Hoa. Họ là những nhà buôn đã từng sống ở bán đảo Malacca, di cư sang Xingapo để lập quê hương mới. Theo số liệu thống kê năm 1858, ở Xingapo đã có tới 44 hãng buôn. Con số đó tăng lên 52 hãng vào năm 1864. Ngoài các hãng buôn loại trung bình và lớn của người Anh, đại đa số các hãng buôn nhỏ là của người Hoa. Từ sau những năm 60 của thế kỷ XIX, khi kênh đào Suez được khai thông và đầu máy chạy bằng hơi nước ra đời, hoạt động thương mại tại Xingapo phát triển rất nhanh. Ngoài các công ty được thành lập ngay ở đây còn có rất nhiều đại diện, hay các chi nhánh của các công ty mẹ đóng ở Ấn Độ hay nước Anh hoạt động sôi nổi tại đảo này. Kết quả đó đưa đến sự cạnh tranh rất lớn và làm xuất hiện nhiều công ty thương mại và tài chính lớn của người Anh như Công ty buôn bán chất đốt Xingapo, Ngân hàng Phương Đông, Ngân hàng Charred, Hong Kong và Thượng Hải Ngân hàng v.v. Từ đầu thế kỷ XX, đặc biệt là từ những năm 30, nhiều nhà buôn người Hoa sau một thời gian hợp tác với tư bản Anh tích lũy được kinh nghiệm và nguồn vốn, họ đã lập nên những ngân hàng riêng của mình và đảm nhiệm chức năng cung cấp tín dụng cho những người

đồng hương, có thể kể đến Kwong Yik Bank (1903), Sze Hai Tong Bank (1907) và Oversea Chinese Bank (1919)⁽⁴⁾.

Song song với sự ra đời của các cơ sở thương mại, tài chính, chính sách mở rộng buôn bán quốc tế của Anh đã làm cho Xingapo từ nửa sau thế kỷ XIX trở thành trung tâm buôn bán chuyển khẩu và tái xuất mậu dịch lớn nhất Đông Nam Á. Từ đầu thế kỷ XX, cảng Xingapo đã trở thành cảng lớn thứ hai ở Viễn Đông, chỉ sau cảng Hồng Kông về quy mô hoạt động và kỹ thuật hàng hải. Đi theo với cảng biển, các ngành dịch vụ như sửa chữa tàu, kho tàng bến bãi, dịch vụ thông tin,... phát triển nhanh chóng từ thời đó. Từ năm 1871, Xingapo đã có hệ thống thông tin liên lạc bằng điện tín. Sang đầu thế kỷ XX, các tuyến các đường sắt nối liền với bán đảo Malacca và sân bay dân dụng được khánh thành.

Mãi cho đến cuối những thập niên của thế kỷ XIX, ở Xingapo hầu như vắng bóng các xí nghiệp công nghiệp chế biến - chế tạo. Hầu như các tổ chức kinh doanh tư bản chủ nghĩa ở nơi đây là các cơ sở buôn bán và dịch vụ. Vào cuối những năm 90 của thế kỷ XIX mới bắt đầu xuất hiện một số xí nghiệp chế biến nông sản và nguyên liệu thô của người Anh và người Hoa, nhưng chủ yếu với quy mô nhỏ. Từ những năm 30 của thế kỷ XX trở đi, nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp của người Anh được mở ra. Thêm vào đó, một số cơ sở sửa chữa tàu biển cũng được thiết lập với trang bị kỹ thuật khá hiện đại. Nhìn chung, nền công nghiệp của Xingapo dưới thời thuộc địa

Anh mang tính chất một nền công nghiệp gia công - dịch vụ cho buôn bán chuyển khẩu, chưa có một nền công nghiệp chế biến - chế tạo đúng nghĩa của nó⁽⁵⁾.

Cũng với sự phát triển nhanh chóng của kinh tế thương mại, hệ thống giáo dục học đường chính quy theo kiểu Anh được áp dụng. Từ đầu thế kỷ XX tại đảo này đã có trường Cao đẳng, đào tạo sinh viên các nghề về kỹ thuật, y học và luật pháp. Đây là một lợi thế trong việc tiếp nhận kiến thức khoa học và công nghệ hiện đại của phương Tây đối với Đông Nam Á nói chung, Xingapo nói riêng.

Với sự phát triển nhanh chóng của một cảng thương mại tự do, Xingapo đã trở thành điểm thu hút dân nhập cư từ bốn phương. Từ con số 150 người (80% là người Mã Lai và 20% là người Hoa) vào năm 1819, số dân của đảo này đã tăng lên tới 200.000 người vào cuối thế kỷ XX và đến trước khi đảo này được trao trả quyền tự trị từ tay người Anh (1959) thì con số đó tăng lên trên 1.090.000 người, trong đó trên 75% là người Hoa, gần 14% là người Mã Lai, 9% là người gốc Ấn Độ và khoảng 2% là các dân tộc khác (chủ yếu là người Anh)⁽⁶⁾. Cùng với chính sách tự do kinh doanh, sự gia tăng dân nhập cư đã đưa tới hình thành một xã hội đa nguyên, trong đó có nhiều sắc tộc, đa tôn giáo và nhiều tổ chức, đảng phái xã hội. Mỗi nhóm cộng đồng dân tộc như cộng đồng người Hoa, Cộng đồng người Ấn, Cộng đồng người Mã Lai hay Cộng đồng người Âu châu về cơ bản vẫn giữ nguyên những nét đặc trưng văn hóa-tộc người của dân tộc mình.

Nói tóm lại, đúng như nhà sử học D.G.E. Hall trong tác phẩm "Lịch sử Đông Nam Á" đã khái quát rằng, lịch sử hình thành và phát triển của Xingapo như sau: "Winstedt nói một cách trào phúng rằng: Lịch sử của Xingapo được viết chủ yếu bằng con số thống kê. Đó là một lời bình luận thích hợp về chính sách của các thống đốc Xingapo, chắc chắn cho đến giữa thế kỷ. Mỗi quan tâm lớn của họ là tăng cường tầm quan trọng thương mại của nó. Xingapo phát đạt trên cơ sở chính sách tự do thương mại được Raffles đưa ra với lòng nhiệt thành tôn giáo (...). Về cơ bản, nó là một thương cảng xuất nhập khẩu có mối liên hệ với khắp thế giới và hầu như không phụ thuộc vào hành động thương mại của bán đảo Mã Lai kém phát triển"⁽⁷⁾.

CHÚ THÍCH

- 1 Xem thêm: Jginder Singh Jessy. History of South East Asia (1824-1965). Kedah Malaysia, 1985, tr. 231-232.
- 2 D.G.E. Hall, Lịch sử Đông Nam Á, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 1997, tr. 746 và 755.
- 3 Xem thêm: Turnbull C.M. A History of Singapore 1819-1988 (Second Edition). Singapore: Oxford University Press, 1992, pp. 8-9, 23 and 26.
- 4 Yoshihara Kunio. The Rise of Ersatz Capitalism in South-East Asia.. Singapore: Oxford University Press, 1988, pp. 12-13
- 5 A History of Singapore. Singapore: Oxford University Press, 1991, pp. 57-58
- 6 Government and Politics of Singapore (ed. By J.Q. Chan Heng Chee and Seah Chee Meow-Revised Edition). Singapore: Oxford University Press, 1987, p. 49.
- 7 D.G.E. Hall, Lịch sử Đông Nam Á, Sdd, tr. 758-759.